

Bản án số: 90/2024/DS-PT

Ngày: 02- 4 -2024

*V/v: “Tranh chấp về thừa kế tài sản  
và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền  
sử dụng đất”.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*

Ông Lê Tự

*Các Thẩm phán:*

Ông Nguyễn Cường

Bà Võ Thị Ngọc Dung

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Trang, Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên  
tòa:** Ông Lê Phước Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 287/2023/TLPT-DS ngày 22 tháng 11 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2023/DS-ST ngày 18 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Ông Lê Mỹ B. Địa chỉ: thôn M, xã Đ, huyện M1, tỉnh Quảng Ngãi;

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Luật sư Nguyễn G - Văn phòng Luật sư NG, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ngãi.

**Bị đơn:** Ông Lê Mỹ S. Địa chỉ: thôn M, xã Đ, huyện M1, tỉnh Quảng Ngãi.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Luật sư Huỳnh Ngọc A - Văn phòng Luật sư Q, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ngãi.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Lê Thị T. Địa chỉ: 181 đường 413A, thôn Q1, xã Q2, huyện Đ1, tỉnh

Lâm Đồng.

- Bà Lê Thị N1. Địa chỉ: 444 đường TL, ấp 1, xã P, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

- Bà Lê Thị C. Địa chỉ: thôn X, xã N2, thành phố Q2, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bà Đinh Thị Th. Địa chỉ: thôn A, xã Đ3, huyện M1, tỉnh Quảng Ngãi.

- Ông Lê Mỹ T1, bà Nguyễn Thị Đ2, anh Lê Mỹ Đ3, anh Lê Mỹ C2, anh Lê Mỹ Ph, chị Nguyễn Thị Công D2, chị Nguyễn Thị Ngọc D3, chị Huỳnh Thị P1, chị Phạm Thị Kim Th1, chị Trịnh Thị Lam D3, cháu Lê Mỹ Trường H2, cháu Lê Mỹ Trường G1, cháu Lê Thị Ánh Ng, cháu Lê Mỹ Anh Q4. Cùng địa chỉ: thôn M, xã Đ, huyện M1, tỉnh Quảng Ngãi.

- Chị Lê Trịnh Kiều D4. Địa chỉ: Km số 4, đường TL, ấp 1, xã P, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

- Cháu Lê Mỹ Khải H3. Địa chỉ: ấp 1, xã P, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

- Ông Nguyễn Th1. Địa chỉ: số nhà 107, thôn TN, xã TN, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

- Ủy ban nhân dân huyện M1. Trụ sở: tổ dân phố 1, thị trấn M1, huyện M1, tỉnh Quảng Ngãi.

**Người kháng cáo:** nguyên đơn ông Lê Mỹ B và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Mỹ T1, bà Lê Thị N1, bà Lê Thị C và bà Đinh Thị Th.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

*\* Tại đơn khởi kiện ngày 18 tháng 12 năm 2019, Đơn khởi kiện bổ sung ngày 09 tháng 02 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Mỹ B trình bày:*

Theo bản đồ 299/TTg, thửa đất số 201 diện tích 650m<sup>2</sup> và thửa đất số 202 diện tích 900m<sup>2</sup> đều thuộc tờ bản đồ số 01, loại đất T cụ Lê Mỹ T đứng tên trong sổ mục kê nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nay thuộc thửa đất số 85 tờ bản đồ số 6 (bản đồ đo vẽ năm 2004) có diện tích 1.929,1m<sup>2</sup>. Nguồn gốc của thửa đất số 85, tờ bản đồ số 6 là do cha ông là cụ Lê Mỹ T với vợ trước của cụ T là cụ Từ Thị L1 mua vào thời kỳ Pháp thuộc để làm nhà ở và canh tác hoa màu. Cha ông với cụ L1 có 3 người con là bà Lê Thị T, bà Lê Thị N1 và ông Lê Mỹ S. Năm 1957, cụ L1 chết cha ông có vợ khác là cụ Trịnh Thị Trí có 1 con chung là bà Đinh Thị Th. Tuy nhiên, giữa cha ông và cụ Trí chung sống không được bao lâu thì cụ Trí về sống bên nhà cha mẹ cụ Trí nên cha ông mới cưới mẹ ông là cụ Cao Thị Th2 và có được 3 người con là ông (Lê Mỹ B), ông Lê Mỹ T1 và bà Lê Thị C.

Khi cha ông cưới mẹ ông thì ông Lê Mỹ S vẫn còn sống chung cùng với cha mẹ ông mãi đến năm 1978 thì ông S lập gia đình. Do nhà đông người nên cha ông có làm 01 cái nhà tranh vách đất cho vợ chồng ông S ra sinh sống, đến khoảng năm 1990 thì ông S phá bỏ nhà đất để xây dựng căn nhà cấp 4 như hiện nay ông S đang ở. Ông S xây dựng lại nhà lúc đó cha ông vẫn còn sống, cha ông và các anh chị em trong gia đình không ai có ý kiến gì. Sau đó cha ông có làm thủ

tục tách thửa đất thành 2 thửa, gồm có thửa đất số 95, tờ bản đồ số 01 với diện tích 1.280m<sup>2</sup> và thửa đất số 96, tờ bản đồ số 01 với diện tích 930m<sup>2</sup> đứng tên ông Lê Mỹ T, cha ông sang tên cho ông S 01 thửa là thửa đất số 95, tờ bản đồ số 01. Việc cha ông làm thủ tục tách thửa và cho ông S đứng tên đăng ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 95, tờ bản đồ số 01 ông không biết, ai là người trực tiếp đi làm thủ tục đăng ký kê khai, tách thửa để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông cũng không biết. Năm 2015 mẹ ông chết, năm 2012 cha ông chết không để lại di chúc, tài sản cha mẹ ông để lại là thửa đất số 85, tờ bản đồ số 6 diện tích 1.929,1m<sup>2</sup> (bản đồ đo vẽ năm 2004) tài sản này chưa được phân chia. Vào khoảng năm 2018 thì giữa ông với ông S có xảy ra tranh chấp đất, ông S có gửi đơn đến Tòa án nhân dân huyện M1 thì ông mới biết ông S có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trước nay ông cứ nghĩ thửa đất mà ông và ông S đang làm nhà ở vẫn đứng tên cha ông là cụ Lê Mỹ T. Vì vậy, để bảo vệ quyền lợi cho các đồng thừa kế ông yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00293/QSĐĐ-651/QĐUB<sub>(H)</sub> cấp ngày 24/12/1999 cho ông Lê Mỹ S tại thửa đất số 95, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.280m<sup>2</sup>, địa chỉ thửa đất tại xã Đ, huyện M1, tỉnh Quảng Ngãi.

- Chia thừa kế thửa đất số 85, tờ bản đồ số 6 diện tích 1.929,1m<sup>2</sup> cho những người gồm: bà Lê Thị T, bà Lê Thị N1, ông Lê Mỹ S, bà Đinh Thị Th, ông Lê Mỹ B, ông Lê Mỹ T1 và bà Lê Thị C. Sau khi tính trừ đất theo Nghị định 64 vì đất được giao cho hộ gia đình sử dụng lâu dài, lúc giao cho hộ cha mẹ ông gồm có 5 nhân khẩu nên đất này là những thành viên trong hộ được hưởng và có quyền lợi như nhau nhưng cha mẹ ông chết tính trừ 3 anh em ông còn lại mỗi người được nhận thừa kế tương ứng là 200m<sup>2</sup>, giá trị 70.000.000đồng. Đối với tài sản trên đất không có tranh chấp, tài sản thuộc quyền sử dụng của ai thì người đó tự dỡ dọn trả lại mặt bằng.

- Đối yêu cầu của ông Lê Mỹ S công nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 0029/QSĐĐ-651/1999/QĐUB<sub>(H)</sub> cấp ngày 24/12/1999 đối với thửa đất số 95, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.280 m<sup>2</sup> thuộc xã Đ, huyện M1, tỉnh Quảng Ngãi thì ông không đồng ý. Vì thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Mỹ S là không đúng theo quy định pháp luật.

*\* Tại đơn trình bày ngày 18/3/2020, bản tự khai ngày 18/9/2020, bản trình bày ngày 15/12/2020, đơn phản tố ngày 18/11/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Mỹ S trình bày:*

Cha ông tên Lê Mỹ T, mẹ ông tên Từ Thị L1 kết hôn trước năm 1944, sau khi kết hôn thì cha mẹ ông có 03 người con tên Lê Thị T, Lê Thị N1 và ông là Lê Mỹ S. Vào Năm 1953 thì cha mẹ ông (ông T, bà L1) có mua thửa đất có số hiệu 201, 202 đều thuộc tờ bản đồ số 01 (bản đồ 299/TTg), tại thôn M, xã Đ, huyện M1, tỉnh Quảng Ngãi. Sau khi mua đất thì cha mẹ ông cùng các anh chị em ông sinh sống trên thửa đất. Năm 1957 thì mẹ ông là cụ Từ Thị L1 chết không để lại di chúc và cha ông cùng chị em ông tiếp tục sống trên thửa đất này. Năm 1968, thì cha ông là ông Lê Mỹ T kết hôn với cụ Cao Thị Th2 về cùng chung sống với các anh chị em ông và ở trên thửa đất này. Cha ông và bà Th2 sinh sống có 03 người con tên Lê Mỹ B, Lê Mỹ T1 và Lê Thị C.

Năm 1978, ông có vợ ra ở riêng, làm nhà vào năm 1985 vợ chồng ông làm căn nhà bằng vách đất, lợp tranh trên một phần thửa đất; năm 1996 thì ông phá dỡ căn nhà tranh xây dựng nhà cấp 4 ở cho mãi đến nay. Năm 1998 cha ông đi kê khai thửa đất số có số hiệu 201, 202, đều thuộc tờ bản đồ số 01 (bản đồ 299/TTg) tại thôn M, xã Đ và tách thành hai thửa đất; thửa thứ nhất là thửa đất số 95, tờ bản đồ số 1 xã Đ, đứng tên Lê Mỹ S, có diện tích 1.280m<sup>2</sup>; thửa thứ hai là thửa đất số 96, tờ bản đồ số 01 xã Đ, diện tích 930m<sup>2</sup> đứng tên ông Lê Mỹ T; 02 thửa đất trên được Ủy ban nhân dân huyện M1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 24/12/1999. Khi cha ông kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông tại thửa đất số 95, tờ bản đồ số 01 xã Đ, có diện tích 1.280m<sup>2</sup> là cấp cho hộ gia đình ông. Lúc cấp đất cho ông thì hộ ông có 05 nhân khẩu gồm: ông Lê Mỹ S, vợ ông tên Nguyễn Thị Đ2, con Lê Mỹ Đ3, con Lê Mỹ C2, con Lê Mỹ Ph.

Từ khi cha ông kê khai được cấp giấy chứng nhận và vợ chồng ông làm nhà ở thì cha ông và gia đình anh chị em ông đều biết, không ai có ý kiến gì. Năm 2012, cha ông là cụ Lê Mỹ T chết, năm 2015 mẹ kế ông là cụ Cao Thị Th2 chết. Khi cha mẹ ông chết thì anh chị em ông vẫn hòa thuận sinh sống ổn định không có tranh chấp hay cãi vã với nhau. Do ông đông con ở chung nhà với nhau, chỗ ở quá chật chội nên vào năm 2020 thì ông có cho 02 con trai lớn là Lê Mỹ Đ3, Lê Mỹ C2 ra ở riêng, có đồ đất làm nhà trên phần đất của cha ông đã cho và được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông Lê Mỹ B ra ngăn cản, không cho đồ đất làm nhà nên xảy ra tranh chấp mãi cho đến nay.

Theo ông thì phần đất mà cha ông đã kê khai tách thửa cho ông thuộc thửa đất số 95, tờ bản đồ số 01 xã Đ, đứng tên Lê Mỹ S, có diện tích 1.280m<sup>2</sup> thì đề nghị Tòa án công nhận cho ông; còn thửa 96, tờ bản đồ số 01 xã Đ, diện tích 930m<sup>2</sup> đứng tên ông Lê Mỹ T chia theo thừa kế cho 06 người con mỗi người một phần bằng nhau; ông nhận phần đất giáp phía bắc của thửa số 95, tờ bản đồ số 01 xã Đ vì phần đất ông được thừa kế giáp với phần đất của ông, tài sản trên đất của ai thì tự tháo dỡ. Ông yêu cầu Tòa án công nhận giấy nhận quyền sử dụng đất số 00293/QSDĐ-651/QĐUB<sub>(H)</sub> cấp ngày 24/12/1999 cho ông Lê Mỹ S thửa đất số 95, tờ bản đồ số 01 thuộc xã Đ, huyện M1. Ông yêu cầu buộc ông Lê Mỹ B tháo dỡ phần nhà vệ sinh, chuồng heo mà ông Lê Mỹ B đã xây dựng lấn sang đất của ông.

*\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ2 trình bày:*

Bà thống nhất ý kiến của chồng bà là ông Lê Mỹ S.

*\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Kim Th1 trình bày:*

Bà thống nhất ý kiến của chồng bà là ông Lê Mỹ B.

*\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lê Mỹ Đ3 trình bày:*

Thửa đất mà ông Lê Mỹ B đang tranh chấp, yêu cầu chia thừa kế có nguồn gốc là của ông bà nội anh. Trước đây ông nội anh đã cho ba mẹ anh thửa đất số 95, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.280m<sup>2</sup>, ba mẹ anh đã làm nhà ở từ năm 1985 cho đến nay ổn định không có tranh chấp với ai. Đến năm 2020 anh em anh đồ đất làm nhà trên phần đất của cha mẹ anh thì ông B đã ngăn cản và đã xảy ra tranh chấp. Theo anh việc ông B yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND huyện đã cấp cho hộ ba anh (Lê Mỹ S) để chia thừa kế là không đúng, vì đất đã được nhà nước công nhận cho ba anh nên yêu cầu của ông B anh không

đồng ý. Anh không có đóng góp gì đối với diện tích đất tranh chấp. Đối với phần đồ đất nâng nền, anh không có yêu cầu gì vì giá trị không lớn. Đối với phần đất đã cấp GCN QSDĐ cho ông nội anh là cụ Lê Mỹ T ông B yêu cầu chia thừa kế thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

*\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm anh Lê Mỹ Ph, anh Lê Mỹ C2, chị Nguyễn Thị Công D2, chị Nguyễn Thị Ngọc D3 và chị Huỳnh Thị P1 trình bày: Đề nghị thống nhất ý kiến của anh Lê Mỹ Đ3.*

*\* Tại đơn trình bày ngày 14/12/2021, ngày 18/11/2021, quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị N1 trình bày:*

Về nguồn gốc đất và quan hệ nhân thân các bà thống nhất như ông Lê Mỹ B trình bày. Sau khi cha mẹ bà chết có để lại mảnh đất mang số thửa 201 và 202 thuộc bản đồ 299/TTg nay là thửa đất số 85, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.929,1m<sup>2</sup> đo vẽ năm 2004 thuộc bộ địa chính Đ mà không để lại di chúc gì. Bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Mỹ B: Yêu cầu Tòa án giải quyết hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00293/QSDĐ-651/QĐUB<sub>(H)</sub> cấp ngày 24/12/1999 cho ông Lê Mỹ S thửa đất số 95, tờ bản đồ số 01 thuộc xã Đ, huyện M1, tỉnh Quảng Ngãi chia thừa kế thành 07 kỷ phần bằng nhau cho các đồng thừa kế, tương đương 200m<sup>2</sup> đất mà ông Lê Mỹ B đã khởi kiện. Tài sản trên mặt đất của người nào xây dựng trên đất thì tự tháo dỡ để trả mặt bằng chứ không tranh chấp.

*\* Tại bản trình bày ý kiến ngày 19/3/2020, biên bản lấy lời khai ngày 08/4/2021, quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Mỹ T1 trình bày:*

Về nguồn gốc đất và quan hệ nhân thân ông thống nhất như ông Lê Mỹ B trình bày. Sau khi cha mẹ chết có để lại mảnh đất mang số thửa 201 và 202 thuộc bản đồ 299/TTg nay là thửa đất số 85, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.929,1m<sup>2</sup> đo vẽ năm 2004 thuộc bộ địa chính Đ mà không để lại di chúc gì. Ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Mỹ B: Yêu cầu Tòa án giải quyết hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00293/QSDĐ-651/QĐUB<sub>(H)</sub> cấp ngày 24/12/1999 cho ông Lê Mỹ S thửa đất số 95, tờ bản đồ số 01 thuộc xã Đ, huyện M1, tỉnh Quảng Ngãi chia thừa kế thành 07 kỷ phần bằng nhau cho các đồng thừa kế, tương đương 200m<sup>2</sup> đất mà ông Lê Mỹ B đã khởi kiện. Tài sản trên mặt đất của ông Lê Mỹ S, Lê Mỹ B xây dựng trên đất thì tự tháo dỡ để trả mặt bằng chứ không tranh chấp. Khi chia thừa kế ông yêu cầu được nhận bằng hiện vật, yêu cầu được nhận phần diện tích di sản có nhà máy gạo mà ông đã đặt trên đó để tiện việc cho vợ chồng ông xay xát gạo.

*\* Tại bản trình bày ý kiến ngày 28/01/2021, quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị Lam D3 trình bày: Bà thống nhất ý kiến của chồng bà là ông Lê Mỹ T1.*

*\* Tại đơn trình bày ngày 20/11/2021 quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị C trình bày:*

Bà thống nhất nguồn gốc đất và quan hệ nhân thân như ông Lê Mỹ B trình bày. Bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Mỹ B. Phần di sản thừa kế bà yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật; phần di sản của bà được nhận, bà đồng ý tặng cho ông Lê Mỹ B vì ông B có công lo cho các em và nuôi dưỡng cha mẹ.

*\*Tại đơn trình bày ngày 15/03/2021, quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T trình bày:*

Bà thống nhất nguồn gốc đất và quan hệ nhân thân như ông Lê Mỹ S trình bày. Phần di sản thừa kế bà yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật; phần di sản của bà được nhận, bà đồng ý tặng cho ông Lê Mỹ S.

*\* Tại đơn trình bày ngày 12/01/2021, biên bản lấy lời khai ngày 05/03/2021, bản trình bày ngày 22/11/2021, quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị Th trình bày:*

Bà thống nhất nguồn gốc đất và quan hệ nhân thân như ông Lê Mỹ B trình bày; bà là con của ông Lê Mỹ T và bà Trịnh Thị Trí; mẹ bà chết khi bà được 10 tuổi; mối quan hệ giữa bà và ông Lê Mỹ T không được tốt nên bà tự đổi họ Lê sang họ Đinh như hiện nay. Đối với phần di sản cha mẹ bà để lại mà ông Lê Mỹ B yêu cầu chia thừa kế, bà thống nhất yêu cầu Tòa án phân chia theo quy định của pháp luật, phần bà được hưởng, bà đồng ý nhận, nhưng bà có chỗ ở ổn định nên bà không yêu cầu nhận bằng hiện vật. Bà chuyển nhượng lại cho ông Lê Mỹ B lấy tiền để xây mộ mã cho mẹ bà là bà Trịnh Thị Trí.

*\*Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/9/2021, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Th1 trình bày:*

Ông là con của bà Cao Thị Th2 và ông Nguyễn Trãi (chết năm 1965); thực tế ông sinh năm 1966, nhưng khi khai sinh mẹ ông khai ông sinh năm 1968; ông sống với ông T, bà Th2 một thời gian thì ông bỏ đi nơi khác sống. Quá trình chung sống thì thừa đất tranh chấp do ông T và bà Th2 quản lý, sử dụng, lúc đó các anh chị em còn nhỏ không có đóng góp công sức gì. Ông không có ý kiến hay tranh chấp gì đối với yêu cầu chia thừa kế của ông Lê Mỹ B; ông không yêu cầu chia thừa kế của mẹ ông là Cao Thị Th2, ông không yêu cầu nhận di sản thừa kế.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân huyện M1 có ý kiến như sau:*

Thửa đất số 201, 202 tờ bản đồ số 01 (bản đồ 299/TTg), loại đất T, nay thuộc thửa đất số 85, tờ bản đồ số 6 (bản đồ do vẽ năm 2004) của xã Đ có nguồn gốc thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông Lê Mỹ T. Thực hiện chỉ thị 299/TTg ngày 10/11/1980 của Th2 tướng Ch phủ về công tác đo đạc, phân hạng và đăng ký thống kê ruộng đất trong cả nước, ông Lê Mỹ T có tên trong sổ mục kê ruộng đất mẫu số 6, tại thửa đất số 201, diện tích 650m<sup>2</sup>, loại ruộng đất là T và thửa đất số 202, diện tích 900m<sup>2</sup>, loại ruộng đất là T, do UBND xã Đ lập vào ngày 18/5/1985, không có tên trong sổ đăng ký ruộng đất mẫu số 5b.

Quá trình quản lý, sử dụng, ông Lê Mỹ T cho con trai là ông Lê Mỹ S phân diện phía Tây để xây dựng nhà ở ổn định đến nay và được UBND huyện M1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00293 QSDĐ/651/1999/QĐ-UB<sup>(H)</sup>, cấp ngày 24/12/1999, với diện tích 1.280m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 95, tờ bản đồ số 01 (thửa đất số 95 được chỉnh biến động từ 1 phần diện tích của thửa đất số 201, 202, tờ bản đồ số 01, bản đồ 299/TTg). Tuy nhiên, qua xác minh ông Lê Mỹ S không cung cấp giấy tờ về việc tặng cho quyền sử dụng đất.

Phần diện tích còn lại ở phía Đông, ông Lê Mỹ T quản lý, sử dụng và được UBND huyện M1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00310QSDĐ/651/1999/QĐ-UB<sup>(H)</sup>, cấp ngày 24/12/1999, với diện tích 930m<sup>2</sup>,

thuộc thửa đất số 96, tờ bản đồ số 01 (thửa đất số 96 được chỉnh biên động từ 1 phần diện tích của thửa đất số 201, 202, tờ bản đồ số 01, bản đồ 299/TTg). Hiện nay, ông Lê Mỹ T đã chết năm 2012, thửa đất là do con trai ông Lê Mỹ B đang quản lý, sử dụng.

Việc ông Lê Mỹ B yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 00293/QSDĐ-651/QĐUB<sub>(H)</sub> cấp ngày 24/12/1999 cho ông Lê Mỹ S thửa đất số 95, tờ bản đồ số 01 thuộc xã Đ để chia thừa kế cho những người gồm: Bà Lê Thị T, bà Lê Thị N1, ông Lê Mỹ S, bà Đinh Thị Th, ông Lê Mỹ B, ông Lê Mỹ T1 và bà Lê Thị C và việc ông Lê Mỹ S có yêu cầu phản tố: Yêu cầu công nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 0029/QSDĐ-651/1999/QĐUB<sub>(H)</sub> cấp ngày 24/12/1999 đối với thửa đất số 95, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.280 m<sup>2</sup> thuộc xã Đ, huyện M1, tỉnh Quảng Ngãi và yêu cầu ông Lê Mỹ B tháo dỡ phần nhà tắm, chuồng heo mà ông Lê Mỹ B đã xây dựng lấn sang đất của ông S, Ủy ban nhân dân huyện M1 đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định.

**Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2023/DS-ST ngày 18 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:**

Căn cứ vào khoản 2, 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, các điều 144, 147, 157, 158, 165, 227, 228, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 15 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1959; Điều 14, Điều 17 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986; khoản 1, 2 Điều 27 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; khoản 2 Điều 66 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các điều 207, 213, 219, 609, 610, 611, 612, 613, 614, 649, 650, 651 và 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 170 Luật Đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Mỹ B về việc chia thừa kế tài sản.

1. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Lê Mỹ T gồm có: Bà Lê Thị T, bà Lê Thị N1, ông Lê Mỹ S, ông Lê Mỹ B, ông Lê Mỹ T1, bà Lê Thị C và bà Đinh Thị Th. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ bà Từ Thị L1 (chết năm 1957) gồm: cụ Lê Mỹ T, bà Lê Thị T, bà Lê Thị N1 và ông Lê Mỹ S; hàng thừa kế thứ nhất của cụ Cao Thị Th2 (chết năm 2015) gồm có: ông Lê Mỹ B, ông Lê Mỹ T1, bà Lê Thị C, ông Nguyễn Th1.

2. Xác định di sản, di sản thừa kế thừa kế của cụ Lê Mỹ T là 839,65m<sup>2</sup> (239,9m<sup>2</sup> + 599,75m<sup>2</sup>); trong đó có 175m<sup>2</sup> đất ở và 664,65m<sup>2</sup> đất trồng cây hàng năm khác. Cụ Lê Mỹ T đã tặng cho ông Lê Mỹ S khi cụ T còn sống. Như vậy, cụ T không còn di sản để lại.

3. Xác định di sản thừa kế của cụ Từ Thị L1 diện tích đất 959,6 m<sup>2</sup>; trong đó có 200m<sup>2</sup> đất ở và 759,6m<sup>2</sup> đất trồng cây hàng năm khác.

4. Xác định di sản thừa kế của cụ Cao Thị Th2 diện tích đất 599,75m<sup>2</sup>; trong đó có 125m<sup>2</sup> đất ở và 474,75m<sup>2</sup> đất trồng cây hàng năm khác

5. Chia di sản thừa kế của cụ Lê Mỹ T, cụ Từ Thị L1, cụ Cao Thị Th2 theo pháp luật cho các đồng thừa kế gồm: Bà Lê Thị T, bà Lê Thị N1, ông Lê Mỹ S, ông Lê Mỹ B, ông Lê Mỹ T1, bà Lê Thị C, bà Đinh Thị Th.

- Chia cho ông Lê Mỹ S được nhận phần di sản 1.079,55m<sup>2</sup>, được ký hiệu A, (trong đó có 250m<sup>2</sup> đất ở; 879,55m<sup>2</sup> đất trồng cây hàng năm khác). Có giới cận:

Phía Đông giáp thửa đất giao cho ông Lê Mỹ B và thửa đất số 84, từ điểm M5 M6 M7 M8, có số đo là 16.18, 24.16, 23.08, 9.24, 2.95, 3.61, 4.45;

Phía Tây giáp đường đi, từ điểm M11 M10 M9, có số đo 8.44, 5.18, 2.22, 10.64, 13.61, 18.04, 5.47, 11.94;

Phía Nam giáp đường đi, từ điểm M11 M12 M5, có số đo 1.23, 3.27, 4.90, 5.47;

Phía Bắc giáp thửa đất số 86, từ điểm M9 M8, có số đo 7,82m, 7.96 (Phần đất này có sơ đồ bản vẽ kèm theo là một phần không thể tách rời của bản án).

- Chia cho ông Lê Mỹ B được nhận phần diện tích 639,72m<sup>2</sup>, ký hiệu B (trong đó có 92,34m<sup>2</sup> đất ở; 547,38m<sup>2</sup> đất trồng cây hàng năm khác). Có giới cận:

Phía Đông giáp thửa đất số 84 và phần đất giao cho ông Lê Mỹ T1, được ký hiệu C, từ điểm M4 M3 M2 M7, có số đo 37.83, 4.18, 23.96;

Phía Tây giáp với phần đất giao cho ông Lê Mỹ S, được ký hiệu A, từ điểm M5 M6 có số đo 16.18, 24.16, 23.08;

Phía Nam giáp với đường đi, từ điểm M5 M4, có số đo 7.55, 2.31, 0.65;

Phía Bắc giáp phần đất giao cho ông Lê Mỹ S, ký hiệu A, từ điểm M6 M7, có số đo 9.24 (Phần đất này có sơ đồ bản vẽ kèm theo là một phần không thể tách rời của bản án).

- Chia cho ông Lê Mỹ T1 được nhận phần di sản có diện tích 199,9m<sup>2</sup>; ký hiệu C (trong đó có 41,67m<sup>2</sup> đất ở và 153,25m<sup>2</sup> đất trồng cây hàng năm khác). Có giới cận:

Phía Đông giáp thửa đất số 84, từ điểm M1 M2, có số đo 3.79, 3.66, 20.15, 9.12;

Phía Tây giáp phần đất giao cho ông Lê Mỹ B, ký hiệu B, từ điểm M4 M3, có số đo 37.83;

Phía Nam giáp đường đi, từ điểm M1 M4, có số đo 6.57;

Phía Bắc giáp phần đất giao cho ông Lê Mỹ B, từ điểm M2 M3, có số đo 4.18

(Phần đất này có sơ đồ bản vẽ kèm theo là một phần không thể tách rời của bản án).

- Chia cho bà Lê Thị N1 được nhận kỷ phần có giá trị bằng tiền của diện tích 239,9m<sup>2</sup>, có giá trị 32.596.000 đồng (*Ba mươi hai triệu năm trăm chín mươi sáu nghìn đồng*). Buộc ông Lê Mỹ B phải thanh toán cho bà Lê Thị N1 số tiền là 32.596.000 đồng (*Ba mươi hai triệu năm trăm chín mươi sáu nghìn đồng*).

- Buộc ông Lê Mỹ B phải tháo dỡ một phần nhà vệ sinh có diện tích 21,5m<sup>2</sup>; một phần nền nhà cũ có diện tích 23,4m<sup>2</sup> để trả lại quyền sử dụng đất cho ông S.

Các đương sự phải có trách nhiệm liên hệ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho phù hợp với kết quả xét xử và theo quy định của pháp luật về đất đai.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu



cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

6. Đối với nhà ở, công trình xây dựng trên phần đất của ai được giao thì người đó được sở hữu.

Đối với cây cối gắn liền với thửa đất số 95, 96, tờ bản đồ số 01, tại xã Đ, huyện M1, tỉnh Quảng Ngãi: Trong quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự đều không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

7. Không chấp nhận yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00293/QSĐĐ-651/QĐUB<sub>(H)</sub> cấp ngày 24/12/1999 cho ông Lê Mỹ S tại thửa đất số 95, tờ bản đồ số 01 thuộc xã Đ, huyện M1, tỉnh Quảng Ngãi của ông Lê Mỹ B.

8. Không chấp nhận yêu cầu công nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 0029/QSĐĐ-651/1999/QĐUB<sub>(H)</sub> cấp ngày 24/12/1999 đối với thửa đất số 95, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.280 m<sup>2</sup> thuộc xã Đ, huyện M1, tỉnh Quảng Ngãi của ông Lê Mỹ S.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo.

### **Kháng cáo**

Ngày 27/5/2024, nguyên đơn ông Lê Mỹ B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các ông bà Lê Mỹ T1, Lê Thị N1, Lê Thị C và Đinh Thị Th kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm. Lý do kháng cáo:

- Yêu cầu làm rõ phần đất ông T, bà Th2 khai hoang là 369,2m<sup>2</sup> và tính trừ khi chia thừa kế để các con bà Th2 không bị ảnh hưởng quyền lợi.

- Yêu cầu xem xét việc Ủy ban nhân dân xã đã trừ đất ruộng theo Nghị định 64/CP vào vườn là 800m<sup>2</sup> cho hộ ông T tại thời điểm giao đất để các thành viên hộ ông T không bị ảnh hưởng quyền lợi lúc chia thừa kế.

- Yêu cầu đưa Ủy ban nhân dân xã Đ vào tham gia tố tụng để làm rõ việc Ủy ban nhân dân xã đã trừ đất ruộng theo Nghị định 64/CP vào vườn là 800m<sup>2</sup>.

Ngoài ra, bà Lê Thị N1 kháng cáo yêu cầu nhận hiện vật; bà Đinh Thị Th kháng cáo yêu cầu xem xét vì sao bà là con của ông Lê Mỹ T nhưng không được nhận di sản thừa kế.

### **Tại phiên tòa phúc thẩm:**

*Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày:*

Nguồn gốc của thửa đất số 85, tờ bản đồ số 6 là do cha nguyên đơn là cụ Lê Mỹ T với vợ trước của cụ T là cụ Từ Thị L1 mua vào thời kỳ Pháp thuộc.

Khi ông Lê Mỹ S lập gia đình thì cha nguyên đơn có cho ông S một phần diện tích đất ở phía Tây của thửa đất là 200m<sup>2</sup> để làm nhà ở, phần đất còn lại ở phía Đông của thửa đất do cha nguyên đơn sử dụng. Trong phần đất cha nguyên đơn sử dụng thì có 200m<sup>2</sup> đất ở, 800m<sup>2</sup> đất cân đối theo Nghị định 64, còn lại là đất tre rộp, cha mẹ nguyên đơn khi chết không để lại di chúc. Phần diện tích

369,2m<sup>2</sup> là chênh lệch giữa đo đạc thực tế 1.919,2 m<sup>2</sup> và diện tích 1.550m<sup>2</sup> theo bản đồ 299/TTg do ông T, bà Th2 khai hoang chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét trừ khi chia thừa kế, ảnh hưởng đến quyền lợi của các con bà Th2.

Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Ủy ban nhân dân xã Đ vào tham gia tố tụng là thiếu sót, vi phạm thủ tục tố tụng

Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại.

*Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày:*

Vào ngày 24/12/1999 bị đơn được Ủy ban nhân dân huyện M1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 95, tờ bản đồ số 01 xã Đ, có diện tích 1.280m<sup>2</sup>. Từ khi bị đơn kê khai, đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng nhà ở thì cha bị đơn và gia đình anh chị em bị đơn đều biết, không ai có ý kiến gì. Thửa đất số 85 tờ bản đồ số 6 là do đo đạc đa dạng hóa nông thôn đo gộp lại từ thửa đất số 95, 96 cùng tờ bản đồ số 01, thực tế thửa đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai cả. Nguồn gốc của thửa đất số 95, 96 tờ bản đồ số 01 là do cụ T và cụ L1 mua từ thời Pháp thuộc nên không thuộc diện đất được cân đối theo Nghị định 64/CP; chênh lệch giữa diện tích đất thực tế hiện nay và diện tích theo bản đồ 299/TTg là do sai số đo đạc, không phải do khai hoang như nguyên đơn trình bày. Thửa đất số 95, tờ bản đồ số 01 bị đơn đã sử dụng trong thời gian dài, ổn định không có ai tranh chấp và đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn là hợp pháp.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định cụ T không còn di sản thừa kế và chia di sản thừa kế của cụ Th2 để lại diện tích 599,75m<sup>2</sup> đất cho các con cụ Th2 là có căn cứ, đúng pháp luật. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:*

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Về nguồn gốc thửa đất số 85, tờ bản đồ số 6 diện tích 1.929,1m<sup>2</sup> tại xã Đ, huyện M1, tỉnh Quảng Ngãi:

Theo bản đồ 299/TTg: thửa đất số 201, diện tích 650m<sup>2</sup>, loại đất T và thửa đất số 202, diện tích 900m<sup>2</sup>, loại đất T do cụ Lê Mỹ T đứng tên trong Sổ mục kê. Không ai đăng ký kê khai trong Sổ địa chính (5B). Ngày 27/11/1999 ông Lê Mỹ S có đơn xin đăng ký kê khai quyền sử dụng đất, được Ủy ban nhân dân huyện M1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê Mỹ S thuộc thửa đất số 95, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.280m<sup>2</sup> (trong đó 200m<sup>2</sup> đất ở, 1.080m<sup>2</sup> đất vườn). Ngày 28/11/1999, cụ Lê Mỹ T có đơn xin đăng ký kê khai quyền sử dụng đất, được Ủy ban nhân dân huyện M1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê Mỹ T thuộc thửa đất số 96, tờ bản đồ số 01, diện tích 930m<sup>2</sup> (trong đó 200m<sup>2</sup> đất ở, 730m<sup>2</sup> đất vườn). UBND huyện M1 xác định các thửa đất tranh chấp không cân đối theo Nghị định 64/CP của Ch phủ.

[2] Theo bản đồ đo vẽ năm 2004 (bản đồ VLAP) thì thửa đất số 95 và thửa đất 96 nhập thành thửa đất số 85, tờ bản đồ số 6 diện tích  $1.929,1\text{m}^2$  xã Đ (diện tích đo đạc thực tế  $1.919,2\text{m}^2$ ).

[3] Về di sản thừa kế của cụ Lê Mỹ T và cụ Từ Thị L1:

Các đương sự đều thừa nhận nguồn gốc đất thừa 85, tờ bản đồ số 6, diện tích  $1.929,1\text{m}^2$  theo bản đồ năm 2004 (diện tích đo đạc thực tế  $1.919,2\text{m}^2$ ) do cụ T và cụ L1 mua từ thời Pháp thuộc, nên xác định là tài sản chung của cụ T và cụ L1. Diện tích đất của mỗi cụ là  $959,6\text{m}^2$  ( $1.919,2\text{m}^2/2$ ); trong đó mỗi cụ có  $200\text{m}^2$  đất ở và  $759,6\text{m}^2$  đất trồng cây hàng năm khác.

[4] Cụ L1 chết năm 1957 không để lại di chúc, nên di sản của cụ L1 là diện tích đất  $959,6\text{m}^2$  được chia theo pháp luật. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ L1 gồm: Cụ T, bà Lê Thị T, bà Lê Thị N1 và ông Lê Mỹ S mỗi người được nhận 01 kỷ phần là:  $239,9\text{m}^2$  ( $959,6\text{m}^2/4$ ); trong đó có  $50\text{m}^2$  đất ở,  $189,9\text{m}^2$  đất trồng cây hàng năm khác.

[5] Như vậy, tổng diện tích đất của cụ T là:  $959,6\text{m}^2 + 239,9\text{m}^2 = 1.199,5\text{m}^2$ ; trong đó có  $250\text{m}^2$  đất ở và  $949,5\text{m}^2$  đất trồng cây hàng năm khác. Phần di sản bà Lê Thị T được nhận bà cho ông Lê Mỹ S.

[6] Về di sản thừa kế của cụ Lê Mỹ T và cụ Trịnh Thị Trí:

Năm 1957, cụ Từ Thị L1 chết, thì cụ Lê Mỹ T chung sống cùng cụ Trịnh Thị Trí đến năm 1964 thì không còn sống chung nữa, năm 1970 cụ Trí chết. Thời điểm này Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1959 chưa có hiệu lực ở Miền Nam nên cụ T vẫn có quyền có tài sản riêng. Do đó, diện tích đất  $1.199,5\text{m}^2$  vẫn là tài sản riêng của cụ Lê Mỹ T. Cụ Trí chết không để lại di sản.

[7] Về di sản thừa kế của cụ Lê Mỹ T và cụ Cao Thị Th2:

Năm 1967, cụ Lê Mỹ T sống chung với cụ Cao Thị Th2 (chết năm 2015). Đến ngày 25/3/1977 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1959 có hiệu lực đối với Miền Nam. Theo quy định tại Điều 15 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1959, thì diện tích đất  $1.199,5\text{m}^2$  của cụ T trở thành tài sản chung của cụ T và cụ Th2. Do đó, diện tích đất của mỗi cụ là:  $599,75\text{m}^2$  ( $1.199,5\text{m}^2/2$ ); trong đó mỗi cụ có  $125\text{m}^2$  đất ở và  $474,75\text{m}^2$  đất trồng cây hàng năm khác.

[8] Về yêu cầu chia thừa kế của các đương sự:

Các đương sự đều thừa nhận khi ông Lê Mỹ S lập gia đình ở riêng năm 1978, thì cụ Lê Mỹ T làm cho ông S làm một ngôi nhà tranh, vách đất ở phía Tây thửa đất để ở riêng. Năm 1996, vợ chồng ông S phá dỡ nhà này và xây dựng lại ngôi nhà cấp 4 như hiện nay. Năm 1999, ông S cùng cụ T làm thủ tục đăng ký, kê khai và được UBND huyện M1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Mỹ S tại thửa đất số 95, tờ bản đồ số 01, diện tích  $1.280\text{m}^2$  (trong đó  $200\text{m}^2$  đất ở và  $1.080\text{m}^2$  đất trồng cây hàng năm khác) nhưng đo đạc thực tế có diện tích  $933,5\text{m}^2$ ; cụ Lê Mỹ T cũng được cấp được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng một thời điểm với ông S tại thửa đất số 96, tờ bản đồ số 01, diện tích  $930\text{m}^2$  (trong đó  $200\text{m}^2$  đất ở và  $730\text{m}^2$  đất trồng cây hàng năm khác) nhưng đo đạc thực tế  $985,7\text{m}^2$ .

[9] Tòa án cấp sơ thẩm nhận định: mặc dù giữa cụ T và ông S không có giấy tờ tặng cho đất, nhưng thực tế ông S ở trên thửa đất số 95, tờ bản đồ số 01 từ năm 1978 và xây dựng lại nhà vào năm 1996; cũng như việc ông S được cấp giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất thì cụ T và các đồng thừa kế đều biết và không có tranh chấp, khiếu nại. Điều này chứng tỏ cụ T đã đồng ý cho ông S phần đất của cụ T. Do đó, tổng diện tích đất của ông S (gồm phần đất của ông S được hưởng thừa kế từ bà L1 và phần đất được cụ T cho) là  $839,5m^2$  ( $239,9m^2 + 599,75m^2$ ), trong đó có  $175m^2$  đất ở và  $664,65m^2$  đất trồng cây hàng năm khác và xác định cụ T không còn di sản để lại là có căn cứ.

[10] Tòa án cấp sơ thẩm xác định di sản của cụ Cao Thị Th2 là diện tích  $599,75m^2$  đất (trong đó có  $125m^2$  đất ở và  $434,75m^2$  đất trồng cây hàng năm khác) và hàng thừa kế thứ nhất của cụ Th2 gồm: ông Lê Mỹ B, ông Lê Mỹ T1, bà Lê Thị C và ông Nguyễn Th1 (con riêng của cụ Th2) nhưng ông Th1 từ chối nhận di sản, nên di sản của cụ Th2 được chia cho ông B, ông T1 và bà C theo pháp luật; ông B, ông T1 và bà C mỗi người 01 kỷ phần bằng nhau là:  $199,91m^2$  ( $599,75m^2/3$ ); trong đó có  $41,67m^2$  đất ở và  $153,25m^2$  đất trồng cây hàng năm khác là có căn cứ.

[11] Kháng cáo của ông bà Lê Mỹ B, Lê Mỹ T1, Lê Thị N1, Lê Thị C cho rằng thừa đất trên có phần diện tích đất ông T, bà Th2 khai hoang là  $369,2m^2$  nhưng không có tài liệu chứng cứ chứng minh; chênh lệch diện tích giữa đo đạc thực tế và bản đồ 299/TTg có thể do sai số trong quá trình đo đạc. Đối với kháng cáo cho rằng có một phần diện tích  $800m^2$  được cân đối theo Nghị định 64/CP theo xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Đ là không phù hợp với nội dung Công văn số 73/UBND-NC ngày 26/01/2021 của Ủy ban nhân dân huyện M1 xác định trong thửa đất tranh chấp không có phần diện tích cấp theo Nghị định 64/CP của Ch phủ. Văn bản của Ủy ban nhân dân huyện M1 có giá trị pháp lý cao hơn xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Đ. Việc đưa Ủy ban nhân dân xã Đ vào tham gia tố tụng cũng không làm thay đổi nội dung, bản chất vụ án.

[12] Do bà N1 đã có chỗ ở khác ổn định nên Tòa án cấp sơ thẩm không chia hiện vật mà thôi trả bằng tiền là hợp lý.

[13] Bà Đinh Thị Th là con của cụ Lê Mỹ T và cụ Trịnh Thị Trí, do cụ Lê Mỹ T không còn di sản để lại nên bà Th không được nhận di sản thừa kế thừa kế là đúng.

[14] Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các ông bà Lê Mỹ B, Lê Mỹ T1, Lê Thị N1, Lê Thị C, Đinh Thị Th và quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[15] Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo nên không xét.

[16] Do kháng cáo không được chấp nhận nên các đương sự phải chịu án phí phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của các ông bà Lê Mỹ B, Lê Mỹ T1, Lê Thị N1, Lê Thị C và Đinh Thị Th;

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2023/DS-ST ngày 18 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

Các ông bà Lê Mỹ B, Lê Mỹ T1, Lê Thị N1, Lê Thị C và Đinh Thị Th phải chịu án phí phúc thẩm, mỗi người 300.000đ, đã nộp tại các biên lai số 0006090, 0006091, 0006092, 0006094, 0006095 cùng ngày 05/7/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Lê Tự**